|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN THÁP MƯỜI | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **TRƯỜNG MẦM NON LÁNG BIỂN** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |
|  | *Láng Biển, ngày 02 tháng 10 năm 2019* |

**TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ XẾP LOẠI THI ĐUA**

**CÁN BỘ-GIÁO VIÊN-NHÂN VIÊN TỪ**

**năm học 2019 – 2020**

***(Ban hành kèm theo Quyết định số 25/QĐ-MNLB ngày 02/10/2019 về việc ban hành tiêu chí thi đua từ năm học 2019-2020)***

**A. NHỮNG QUI ĐỊNH CHUNG TRONG VIỆC ĐÁNH GIÁ THI ĐUA**

1. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu cụ thể của từng vị trí công tác để xây dựng các tiêu chí thi đua nhằm tạo lên động lực và chuẩn mực góp phần giúp cho cán bộ, giáo viên, nhân viên phấn đấu nỗ lực để hoàn thành tốt nhiệm vụ của bản thân.

          2. Các tiêu chí được xây dựng phải đảm bảo tính thực tiễn, tính khoa học, tính chính xác, khách quan và công bằng trong công tác đánh giá thi đua.

          3. Kết quả thi đua sẽ là một căn cứ quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành công việc, đánh giá xếp loại công chức, xét tặng các danh hiệu thi đua trong năm.

          4. Công tác đánh giá thi đua được tiến hành vào cuối mỗi kì học trong năm học. Đồng thời phải đảm bảo đúng qui trình, thủ tục và xét thi đua.

           5. Tiêu chí thi đua được xây dựng trên cơ sở yêu cầu của nhiệm vụ được qui đổi và cho điểm tối đa cho từng nhiệm vụ cụ thể nếu thực hiện tốt, còn nếu không đáp ứng được các yêu cầu đó thì đối trừ điểm số tương ứng.

           6. Điểm thưởng cho cá nhân được tính cho mỗi một hoạt động tốt, được cộng vào kết quả cuối cùng của tổng điểm các tiêu chí.

          7. Việc xếp loại thi đua căn cứ vào tổng điểm chung và điểm giới hạn của từng tiêu chí.

**B. CÁCH TÍNH ĐIỂM**

**I. CÁN BỘ QUẢN LÍ: 100 điểm (DO Công đoàn THEO DÕI) KHÔNG CÓ ĐIỂM TRỪ VÌ NẾU KHÔNG CÓ MINH CHỨNG THÌ KHÔNG CÓ ĐIỂM LUÔN PHẦN ĐÓ.**

**1. NỀ NẾP***(30 điểm)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1** | Đảm bảo việc thực hiện các buổi trực lãnh đạo có hiệu quả | 10.0 điểm |
|  | Không đảm bảo 01 lần | * 5.0 |
| **2** | Đảm bảo các buổi sinh hoạt lãnh đạo, cơ quan, đoàn thể | 10.0 điểm |
|  | Không đảm bảo 01 lần | * 5.0 |
| **3** | Có theo dõi và chỉ đạo các hoạt động của các bộ phận được phân công phụ trách | 10.0 điểm |
|  | Không theo dõi và chỉ đạo 1 lần (Do Hiệu trưởng kiểm tra hoặc cấp dưới báo) | * 5.0 |

**2. CÔNG TÁC KẾ HOẠCH** *(20 điểm)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1** | Thường xuyên xây dựng kế hoạch công tác tuần, tháng thuộc lĩnh vực phụ trách | 10.0 điểm |
| **2** | Kế hoạch công tác đảm bảo tính khoa học, tính thực tiễn, chính xác, tính khả thi. | 5.0 điểm |
| **3** | Có tính phối hợp trong việc thực hiện kế hoạch | 5.0 điểm |

**3. CÔNG TÁC TỔ CHỨC, CHỈ ĐẠO, ĐÁNH GIÁ KIỂM TR**A *(20 điểm)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1** | Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ | 5.0 điểm |
| **2** | Có biện pháp kiểm tra nâng cao hiệu quả quá trình thực hiện nhiệm vụ | 5.0 điểm |
| **3** | Có tổ chức đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ | 5.0 điểm |
| **4** | Có đầy đủ hồ sơ lưu việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ | 5.0 điểm |

**4. HIỆU QUẢ CÔNG TÁC** *(35 điểm)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1** | Hoàn thành tốt kế hoạch đề ra. | 10 điểm |
|  | Không hoàn thành kế hoạch 01 lần | * 5.0 |
| **2** | Những nội dung trong kế hoạch được hoàn thành tốt có tác dụng nâng cao hiệu quả chung của nhà trường | 5.0 điểm |
|  | Không theo dõi nhiệm vụ của cấp dưới | - 5.0/lần |
|  | Không đề ra biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả chung của nhà trường | - 5.0/lần |

**5. CÔNG TÁC ĐỔI MỚI QUẢN LÍ** *(15 điểm)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1** | Có phương pháp quản lí khoa học. | 5.0 điểm |
| **2** | Sử dụng được CNTT phục vụ công tác | 5.0 điểm |
| **3** | Có sáng tạo về hình thức và nội dung trong lĩnh vực quản  lí | 5.0 điểm |

***Tổng cộng: 100 điểm***

***Phương thức cho điểm: Cuối mỗi học kì Chủ tịch công đoàn tổ chức cho các giáo viên và nhân viên chấm điểm cho BGH, sau đó cộng lại chia ra lấy điểm trung bình.***

**II.** **TỔ HÀNH CHÍNH**:(100 điểm)

**1. Quy định về thời gian làm việc: Phân công chia nhau trực**

        Sáng: từ 6h45h00’ giờ  đến 11h 00’

        Chiều: Từ 13h30’ đến 17h 00’

**2. Ngày giờ công, nề nếp, tham gia hội họp, sinh hoạt**: (40*điểm*)

          Nếu thực hiện tốt được đánh giá cho điểm tối đa, còn nếu không thực hiện tốt nhiệm vụ thì tùy thuộc vào mức độ để đối trừ điểm như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | | **Điểm trừ** |
| 1 | Vắng một buổi làm việc không báo cáo với lãnh đạo, hoặc không được lãnh đạo đồng ý. | | 5.0 điểm |
| 2 | Vắng họp vì việc riêng có lí do chính đáng được lãnh đạo đồng ý. | Không quá 2 lần trên một học kỳ . | 0 điểm |
| Quá 2 lần trên một học kỳ . | 5.0 điểm |
| 3 | Đi muộn, về sớm có lí do cá nhân được lãnh đạo đồng ý | Không quá 2 lần trên một học kỳ . | 0 điểm |
| Quá 2 lần trên một học kỳ . | 5.0 điểm |
| 4 | Đi muộn, về sớm không báo cáo với lãnh đạo, hoặc không được lãnh đạo đồng ý. | | 5.0 điểm/lần |
| 5 | Nghỉ chế độ, nghỉ tiêu chuẩn, nghỉ ốm (có giấy bệnh viện), đi công tác theo sự phân công của tổ chức hoặc các cấp lãnh đạo. | | 0 điểm |

**2. Tinh thần trách nhiệm và hiệu quả công việc**: (6*0 điểm*)

          Do lãnh đạo trường đánh giá sau khi lắng nghe ý kiến từ tập thể Hội đồng, họp tổ Văn phòng và đối chiếu kết quả công tác, nhiệm vụ được giao và căn cứ vào bản tiêu chí tự đánh giá. Kết quả được phân thành 3 loại như sau.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **tt** | **Nội dung** | **Điểm** |
| 1 | Hoàn thành hồ sơ sổ sách hàng tháng | 20 |
|  | Không hoàn thành 01 loại hồ sơ 01 lần kiểm tra | 5.0 |
| 2 | Hoàn thành nhiệm vụ theo kế hoạch hàng tháng | 20 |
|  | Không hoàn thành mỗi nhiệm vụ | 5.0 |
|  | Không khắc phục hạn chế khi đã được nhắc nhỡ | 5.0 điểm/ lần |
| 3 | Có tinh thần trách nhiệm trong công việc | 20 |
| 3 | Thiếu trách nhiệm gây ảnh hưởng đến quyền lợi của người khác hoặc tập thể. | 5.0 |

***Phương thức cho điểm: Cuối mỗi học kì Chủ tịch công đoàn tổ chức cho các giáo viên và nhân viên chấm điểm cho các nhân viên, sau đó cộng lại chia ra lấy điểm trung bình.***

**III. ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN (Tổng 245 điểm) chia ra các mục như sau:**

1. **Thực hiện nề nếp: (85 điểm)**

**- Thực hiện đúng các quy định sau được 35 điểm**

**- Thực hiện không đúng thời gian quy định mỗi nội dung trừ 5 điểm/lần:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **NỘI DUNG** | **THỜI GIAN** | **PHÂN CÔNG THỰC HIỆN** | **NGƯỜI THEO DÕI** | **THỜI GIAN TỔNG HỢP** |
| 1 | Đón trẻ và vệ sinh lớp | 6h45 | Cô chính đón trẻ, cô phụ vệ sinh | HOA + CHI | Hàng ngày |
| 2 | Thể dục sáng | 7h10 | Tùy lớp | Nhu | Hàng ngày |
| 3 | Vệ sinh – chia thức ăn | 7h30 | Cô chính cho trẻ vệ sinh, cô phụ chia thức ăn | Diệu +Chi | Hàng ngày |
| 4 | Trẻ vô bàn ăn và lau lớp | 10h30 | Cô chính cho trẻ ra bàn ăn, cô phụ lau lớp. | Diệu +Chi | Hàng ngày |
| 5 | Bắt đầu cho trẻ trải nệm | 11h20 | Tùy lớp | Diệu +Chi | Hàng ngày |
| 6 | Tắm cho trẻ | 13h45 | Cả 2 cô | Diệu +Chi | Hàng ngày |
| 7 | Vệ sinh lớp trước khi ra về | 16h | Cô phụ | Diệu +Chi | Hàng ngày |

**- Thực hiện ngày giờ công: (25 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Điểm trừ** | | **NGƯỜI THEO DÕI** | **THỜI GIAN TỔNG HỢP** |
| 1 | Đi việc riêng trong giờ làm việc không xin phép Hiệu trưởng | 3,0/lần |  | **Hoa** | **Cuối tháng** |
| 2 | Nghĩ việc riêng có xin phép | 0,5/ngày | Không xin phép xử lý theo luật lao động. |  | Hàng ngày trên zalo |
| 3 | Nghĩ chăm sóc người thân bị ốm (Cha mẹ 2 bên, con, chồng) bắt đầu từ ngày thứ 4 | 0,25/ngày | Nếu hoàn cảnh neo đơn (không có người chăm sóc thế) thì không trừ |  |  |

**- Tham gia hội họp, sinh hoạt, thực hiện nội quy cơ quan (25 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Điểm trừ** | **Ghi chú** |  |  |
| 1 | Vắng không xin phép | 5,0/lần |  | Hoa |  |
| 2 | Đi trể không lí do | 3,0/lần | Có lí do chính đáng không trừ | Tất cả mọi người |  |
| 3 | Bỏ về trước khi chưa kết thúc mà không xin phép | 3,0/lần |  | Tất cả mọi người |  |
| 4 | Làm việc riêng không chú ý hoặc không tham gia hoạt động khi người chủ trì yêu cầu | 2,0/lần |  | Tất cả mọi người |  |
| 5 | Vi phạm các quy chế, nội quy… đã ban hành. | 5,0/lần | Nếu gây ảnh hưởng xấu đến uy tín nhà trường hoặc tổn hại đến sức khỏe người khác thì tùy mức độ họp HĐSP đưa ra hình thức xử lý. | Khi có phản ánh |  |

**2. Quy chế chuyên môn: (tối đa 45 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Điểm trừ** | **Ghi chú** |  |  |
| 1 | Thực hiện không đúng chế độ sinh hoạt hàng ngày khi chưa được cho phép của lãnh đạo | 5,0/lần | Nhu + Diệu |  |  |
| 2 | Cho trẻ xem phim hoạt hình không đúng giờ quy định (Trong nội quy cơ quan) | 5,0/lần | Nhu + Diệu |  |  |
| 3 | không hoàn thành kịp thời về hồ sơ trẻ, hồ sơ của giáo viên | trừ 1 điểm với lần đầu 3-5 điểm những lần tiếp theo |  | Nhu + Nan |  |
| 4 | Không điểm danh học sinh | trừ 1 điểm/ngày |  | Diệu + Nan |  |
| 5 | Soạn bài không kịp thời | trừ 15 điểm. |  | Nhu + Nan |  |
| 6 | Chất lượng soạn giáo án | Không trừ điểm | Cộng điểm theo tiêu chí từng nội dung. | Nhu + Nan |  |
| 7 | Chất lượng giảng dạy |
| 8 | Trang trí lớp |
| 9 | Tự học, tự bồi dưỡng không hoàn thành theo kế hoạch | 5,0/lần |  | Nhu + Nan |  |

3**. Chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng( tối đa 40 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Điểm trừ** | **Ghi chú** |  |  |
| **1** | Vệ sinh |  | Cộng điểm theo tiêu chí |  |  |
| **2** | Không theo dõi sự phát triển hoặc không phối hợp với phụ huynh trong công tác chăm sóc trẻ SDD, béo phì | 2,0/trẻ/lần kiểm tra |  | Diệu + Chi + Nan |  |
| **3** | Kết quả khảo sát kĩ năng tự phục vụ của trẻ |  | Cộng theo phần trăm trẻ đạt (Giống khảo sát cuối chủ đề) | Diệu + Nan |  |
| **4** | Giờ trực trưa để trẻ còn thức mà không giỗ trẻ ngủ | 5,0/lần |  | BGH trực trưa |  |
| **5** | Trẻ bình thường và SDD tăng cân theo quý |  | Cộng theo phần trăm trẻ đạt (Giống khảo sát cuối chủ đề) | Diệu + Nan |  |

4**. Huy động trẻ: tối đa 30 điểm**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Điểm trừ** | **Ghi chú** |  |  |
| 1 | Không nắm được số trẻ trong địa bàn được phân công điều tra | 5,0/độ tuổi | Tổ trưởng chia ra từng tổ cho giáo viên phụ trách (Của cá nhân nào không đạt thì trừ cá nhân đó) | Diệu |  |
| 2 | Huy động trẻ ra lớp không đạt chỉ tiêu của ấp mình quản lý | 5,0/độ tuổi | Tùy độ tuổi và địa bàn để giao chỉ tiêu | Diệu |  |
| 3 | Trẻ bỏ học không đi vận động, trẻ mới vào không báo cáo, | 5,0/trẻ |  | Diệu |  |

**5. Thông tin báo cáo: ( 15 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Điểm trừ** | **Ghi chú** |  |  |
| 1 | Thiếu chính xác | 1,0/lần |  | Các bộ phận | Sau mỗi đợt yêu cầu |
| 2 | Không đủ, không đúng theo quy định | 2,0/lần |  |  |  |
| 3 | Nộp chậm 1 ngày | 2,0 |  |  |  |

**6. Công tác phối hợp(15 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Điểm trừ** | **Ghi chú** |  |  |
| 1 | Ứng xử phụ huynh không khéo để bị phản ánh | 2,0/lần |  | Hoa |  |
| 2 | Không biết lý do trẻ nghĩ học. | 5,0/trẻ | Từ 3 ngày trở lên | Diệu |  |
| 3 | Không báo cho phụ huynh biết tình hình của trẻ khi trẻ bị tai nạn thương tích có dấu vết bị phụ huynh phản ánh (nếu đúng sự thật) | 5,0/lần |  | Hoa + Diệu |  |

**7. Công tác khác (15 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Điểm trừ** | **Ghi chú** |  |  |
| 1 | Không tham gia đầy đủ đạt chất lượng các cuộc thi, cuộc vận động, các phong trào thi đua trong nhà trường, thực hiện nghiêm túc sự phân công điều động của cấp trên | 5,0/phong trào |  | Các bộ phận |  |
| 2 | Không chấp hành sự phân công điều động của cấp trên, hoặc chấp hành không nghiêm túc | 10,0/lần |  |  |  |
| 3 | Vi phạm luật giao thông bị phản ánh | 10,0/lần |  | Hoa |  |

**C. ĐIỂM THƯỞNG:**

***1. Điểm thưởng cho các Hội thi, phong trào liên quan đến chuyên môn.***

Các Hội thi phong trào liên quan đến chuyên môn: Giáo viên dạy giỏi; ĐDDH; Tuyên truyền viên giỏi; Hội thi của bé…

**Điểm thưởng:**

- Tập thể: Giải I: cấp trường: **10 điểm**; cấp huyện: **20 điểm**; cấp tỉnh: **40 điểm**; Giải II: cấp trường: **09 điểm;** cấp huyện: **18 điểm**; cấp tỉnh: **36 điểm**; Giải III: cấp trường: **08 điểm;** cấp huyện: **16 điểm**; cấp tỉnh: **32 điểm**; Giải KK: cấp trường: **05 điểm**; cấp huyện: **10 điểm**; cấp tỉnh: **20 điểm**.

- Cá nhân: cấp trường: **05 điểm**; cấp huyện: **10 điểm**; cấp tỉnh: **20 điểm**; Giải II: cấp trường: **4.5 điểm;** cấp huyện: **09 điểm**; cấp tỉnh: **18 điểm**; Giải III: cấp trường: **04 điểm;** cấp huyện: **08 điểm**; cấp tỉnh: **16 điểm**; Giải KK: cấp trường: **2.5 điểm**; cấp huyện: **05 điểm**; cấp tỉnh: **10 điểm**.

**- Các tiêu chí có quy định xếp loại: Tốt 05 điểm; Khá 03 điểm**

**- Khảo sát chất lượng học sinh có chiều hướng đi lên: Mỗi phần trăm + 0,1 điểm.**

**- Khảo sát chất lượng học sinh cuối chủ đề: Mỗi phần trăm đạt + 0,1 điểm.**

***2. Điểm thưởng cho các Hội thi, phong trào khác.***

\* **Các Hội thi được tính điểm:** Các Hội thi khác được cộng điểm cho trường.

Điểm thưởng: **bằng 50% của điểm thưởng các Hội thi chuyên môn**, nếu đạt giải thì cộng của cấp huyện, không đạt giải thì cộng điểm cấp trường.

\* Các hội thi không được tính điểm cộng cho trường: 0,5 điểm/lần.

**\* Các phong trào:**

- Tham gia diễn văn nghệ khi được phân công khi không có ai đăng kí: 0,5 điểm/lần

**- Thực hiện tốt các phong trào do trường phát động (Bỏ phiếu kín) (mỗi phong trào cộng 5 điểm).**

- Thực hiện công tác từ thiện, nhân đạo cho đồng nghiệp, học sinh, cho trường; Giúp đỡ, cứu người gặp nạn... được xã hội  khen ngợi (Có giấy khen) (05 điểm)

- Có ý kiến đóng góp cho nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ được trên 50% tập thể thống nhất thực hiện (02 điểm/1 ý kiến).

- Ngoài chấm điểm thi đua cuối năm nhà trường tiến hành bỏ phiếu kín để đảm bảo bao quát cả những vấn đề không thể quy điểm, đảm bảo công bằng cho tất cả mọi người**. (Một phiếu tín nhiệm + thêm 0,2 điểm).**

- Mỗi bài đăng trang Wes cộng 2,0 điểm

- Cá nhân nào làm việc tốt được tập thể công nhận cộng thêm 2 điểm thưởng.

- Tham gia hiến máu tình nguyện + 01 điểm/lần.

**G.** **TRÌNH TỰ ÁP DỤNG VÀ THỦ TỤC XÉT THI ĐUA**:

**1. Thống nhất bản tiêu chí đánh giá thi đua và thủ tục đăng kí:**

Đầu học năm học Hội đồng thi đua nhà trường thống nhất bản tiêu chí đánh giá thi đua và cách tính điểm các tiêu chí  thi đua, phổ biến trong HĐSP.

Công đoàn tổ chức đăng kí danh hiệu thi đua đầu năm cho các thành viên trong toàn trường gửi về Hội đồng thi đua nhà trường.

***Tiêu chí Đánh giá thi đua*** được áp dụng cho mọi thành viên trong nhà trường cho đến khi kết thúc năm học.

**2. Trách nhiệm theo dõi thi đua:**

- BGH, Công đoàn, Đoàn trường, tổ trưởng đều được phân công theo dõi từng lĩnh vực mình phụ trách có ghi chép để tổng hợp báo cáo định kì với Hội đồng thi đua.

- Giáo viên, nhân viên, giám sát việc thực hiện của các thành viên trong Hội đồng thi đua và phản ánh với lãnh đạo nhà trường những trường hợp vi phạm chưa được phát hiện.

**3. Thời gian xét thi đua**:

- Trường xét thi đua vào cuối kì, điểm lấy điểm trung bình cộng của 2  học kỳ  để xếp loại thi đua cả năm.

- Công bố kết quả thi đua vào cuối năm học. Khen thưởng vào Hội nghị CBCCVC năm học sau.

**4. Thủ tục xét thi đua**:

- Mỗi cán bộ, giáo viên tự đánh giá cho điểm và xếp loại (theo mẫu của HĐ thi đua)

- Họp tổ thông qua kết quả tự xếp loại, đồng thời tổ tiến hành xếp loại và bình xét thi đua từng thành viên (Có biên bản và lập danh sách đề nghị HĐ thi đua xét khen thưởng)

- HĐ thi đua tiến hành xét đề nghị của các tổ và duyệt kết quả.

- Th­ường trực HĐ thi đua lập danh sách đề nghị khen th­ưởng.

**5. Mức th­ưởng**:

Theo quy định hiện hành và quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường và Công đoàn.

|  |  |
| --- | --- |
| **CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN**  **TT HỘI ĐỒNG THI ĐUA**  **Trần Ngọc Giàu** | **TM. HỘI ĐỒNG THI ĐUA NHÀ TRƯỜNG**  **CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI ĐUA**  **Võ Thị Phương Hoa** |